PHÒNG GD & ĐT …….. **Chữ kí GT1:** ...........................

**TRƯỜNG THCS…….. Chữ kí GT2:** ...........................

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2021 - 2022**

**Môn: Địa lí 6**

Thời gian làm bài: 45 phút*(Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** ……………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Câu 1.** Trên Trái Đất nước chiếm khoảng bao nhiêu % số lượng nước của thủy quyển:

A. 30,1%.

B. 2,5%.

C. 97,2%.

D. 68,7%.

**Câu 2.** Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về chế độ nước sông:

A. Những con sông lớn thường có nguồn cung cấp nước là mưa.

B. Chế độ nước sông thường phức tạp, diễn biến của lũ thường khó lường.

C. Chế độ nước sông là một thước đo về dòng chảy.

D. Lũ thường gây nguy hiểm cho người và thiệt hại về tài sản.

**Câu 3.** Tác động của thủy triều đối với người dân ven biển là gì?

A. Người dân có thể khai thác thủy sản theo sự lên xuống của thủy triều.

B. Thủy triểu khiến lũ thoát chậm, gây ngập úng.

C. Thau chua rửa mặn, xổ phèn cho đất.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 4.** Hai yếu tố của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành đất là:

A. Bức xạ và lượng mưa.

B. Độ ẩm và lượng mưa.

C. Nhiệt độ và lượng mưa.

D. Nhiệt độ và ánh sáng.

**Câu 5.** Nguồn năng lượng chính cung cấp cho vòng tuần hoàn của Nước trên Trái Đất là

A. Năng lượng bức xạ Mặt Trời.

B. Năng lượng địa nhiệt.

C. Năng lượng thuỷ triều.

D. Năng lượng của gió.

**Câu 6.** Có khoảng bao nhiêu loài sinh vật sống trên bề mặt Trái đất?

A. 5 - 7 triệu loài.

B. 9 - 10 triệu loài.

C. 30 000 loài.

D. 10 - 14 triệu loài.

**Câu 7.** Dân cư thế giới thường tập trung đông đúc ở khu vực địa hình đồng bằng chủ yếu là vì:

A. Tập trung nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có.

B. Thuận lợi cho cư trú, giao lưu phát triển kinh tế.

C. Khí hậu mát mẻ, ổn định.

D. Ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

**Câu 8.** Hoạt động nào sau đây của con người **không**tác động xấu đến tính chất đất?

A. Canh tác quá nhiều vụ trong một năm.

B. Luân canh, xen canh các loại cây trồng.

C. Phá rừng và đốt rừng làm nương rẫy.

D. Bón nhiều phân, sử dụng chất hóa học.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm)**.

a.Băng hà là gì? Hãy nêu tầm quan trọng của băng hà?

b. Hãy nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn gốc nước ngọt và biện pháp khắc phục.

**Câu 2 (2.5 điểm)**

a. Hãy mô tả cấu trúc của rừng nhiệt đới. Tại sao rừng nhiệt đới có cấu trúc như vậy?

b. Em hãy chỉ ra sự đối lập về đặc điểm khí hậu, hệ động thực vật giữa đới nóng và đới lạnh?

**Câu 3 (1.5 điểm)**

a. Theo em, việc chặt phá rừng bừa bãi sẽ gây ra những hậu quả gì?

b. Em hãy nêu một số sáng kiến để hạn chế việc sử dụng và tái sử dụng túi ni-lông trong đời sống hằng ngày.

**BÀI LÀM**

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

**TRƯỜNG THCS ........**

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2021 – 2022**

**MÔN: ĐỊA LÍ 6**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Từ câu 1 – 8:** ***Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | C | C | D | C | A | D | B | B |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | a.  - Băng hà là những khối băng khổng lồ, dịch chuyển chậm trên đất liền, đặc biệt là trên sườn núi, thường cuốn theo các tảng đá lớn và làm thay đổi địa hình.  - Tầm quan trọng của băng hà:  + Băng hà giữ khoảng 70 % lượng nước ngọt trên thế giới. Vì thế, trong điều kiện nước ngọt ngày càng khan hiếm, người ta có thể tính đến việc kéo các băng sơn vào gần bờ để sử dụng.  + Băng tan là nguồn cung cấp nước quan trọng cho nhiều sông lớn như: sông Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công...  b.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước ngọt: do lũ lụt, nhiễm mặn, ô nhiễm do chất thải công nghiệp, nông nghiệp và chất thải sinh hoạt,...  - Biện pháp khắc phục:  + Xử lí chất thải công nghiệp trước khi xả ra ngoài môi trường;  + Xử lí rác thải sinh hoạt đúng cách;  + Sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ trong nông nghiệp;  + Không xả rác bừ bãi ra ngoài môi trường,... | 0.5 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.5 điểm  0.125 điểm  0.125 điểm  0.125 điểm  0.125 điểm |
| **Câu 2** | a. Cấu trúc rừng nhiệt đới:  - Rừng nhiệt đới có cấu trúc phức tạp, từ đưới lên trên có các tầng thảm tươi, tầng dưới tán, đây leo thân gỗ, tằng tán chính, tằng vượt tán.  - Nguyên nhân: Do có nhiệt độ cao và lượng mưa lớn thích hợp cho nhiều loài thực vật sinh trưởng, phát triển.  b. Sự đối lập giữa đới nóng và đới lạnh:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đới nóng** | **Đới lạnh** | | **Vị trí** | Đới nóng nằm trong khoảng từ 30°B đến 30°N. | Hai đới lạnh nằm trong khoảng từ 60°B đến cực Bắc và từ 60°N đến cực Nam. | | **Đặc điểm khí hậu** | Nhiệt độ cao và lượng mưa lớn | Nhiệt độ thấp, lượng mưa ít | | **Sinh vật** | Rừng nhiệt đới phát triển mạnh với các loài thực vật và động vật vô cùng phong phú. | - Thực vật ở đây nghèo nàn, chủ yếu có rêu, địa y, cỏ và cây bụi,...;  - Động vật chỉ có một số loài chịu được lạnh như tuần lộc, chồn Bắc Cực, chim cánh cụt,... | | 0.5 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm |
| **Câu 3** | a. Hậu quả của việc chặt phá rừng bừa bãi và cháy rừng:  - Khí hậu bị thay đổi;lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên  - Đất bị xói mòn trở nên bạc màu  - Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài đã bị tuyệt chủng và một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng...  b. Một số sáng kiến để hạn chế việc sử dụng và tái sử dụng túi ni-lông trong đời sống hằng ngày:  - Sử dụng các loại túi đựng hàng thay thế: Túi giấy, túi vải sử dụng nhiều lần, túi dệt từ sợi ni lông sử dụng nhiều lần, túi ni lông tự huỷ, phân hủy sinh học  - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của túi ni lông đối với kinh tế- xã hội, môi trường và sức khỏe cộng đồng.  - Xây dựng một hệ thống thu gom, tái chế, tái sử dụng túi ni-lông, đồng thời giảm phân phát túi ni-lông. | 0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm |

**TRƯỜNG THCS .........**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ 6**

**NĂM HỌC: 2021-2022**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CẤP ĐỘ**  **Tên chủ đề** | **NHẬN BIẾT** | | **THÔNG HIỂU** | | **VẬN DỤNG** | | **VẬN DỤNG CAO** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Chủ đề 1:**  Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất  Số câu: 2  Số điểm: 1.0  Tỉ lệ: 10% | Lượng nước trong thủy quyển |  | Vòng tuần hoàn của nước |  |  |  |  |  |
| Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 2:**  Sông. Nước ngầm và băng hà  Số câu: 2  Số điểm: 2.5  Tỉ lệ: 25% |  | Băng hà | Chế độ nước sông |  |  | Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn gốc nước ngọt và biện pháp khắc phục. |  |  |
|  | Số câu: 0.5  Số điểm: 1.0  Tỉ lệ: 10% | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  | Số câu: 0.5  Số điểm: 1.0  Tỉ lệ:10% |  |  |
| **Chủ đề 3:**  Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  |  |  | Tác động của thủy triều đối với người dân ven biển |  |  |  |
|  |  |  |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  |  |
| **Chủ đề 4:**  Lớp đất trên Trái Đất  Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  | Quá trình hình thành đất |  |  |  |  |  |
|  |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 5:**  Sự da dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới  Số câu: 2  Số điểm: 3.0  Tỉ lệ: 30% | Số lượng các loài sinh vật sống trên Trái Đất | Đặc điểm khí hậu, hệ động thực vật giữa đới nóng và đới lạnh |  | Rừng nhiệt đới |  |  |  |  |
| Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% | Số câu: 0.5  Số điểm: 1.5  Tỉ lệ: 15% |  | Số câu: 0.5  Số điểm: 1.0  Tỉ lệ: 10% |  |  |  |  |
| **Chủ đề 6:**  Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới  Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  | Phân bố dân cư |  |  |  |  |  |
|  |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 7:**  Con người và thiên nhĩên  Số câu: 2  Số điểm: 2.0  Tỉ lệ: 20% |  |  |  | Hậu quả của việc chặt phá rừng bừa bãi | Tác động của con người đối với thiên nhiên |  |  | Biện pháp giảm tải sử dụng túi ni-lông |
|  |  |  | Số câu: 0.5  Số điểm: 0.75  Tỉ lệ: 7.5% | Số câu: 1  Số điểm: 0.5  Tỉ lệ: 5% |  |  | Số câu: 0.5  Số điểm: 0.75  Tỉ lệ: 7.5% |
| **Tổng số câu: 11**  **Tổng số điểm: 10**  **Tỉ lệ: 100%** | **3.0**  **3.5**  **35%** | | **5.0**  **3.75**  **37.5%** | | **2.5**  **2.0**  **20%** | | **0.5**  **0.75**  **7.5%** | |